| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH V** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2018
*V/v: "Tranh chấp Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Lan Phương

2. Bà Vũ Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Khương Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa***: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

Hiện đang ở: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Hải D trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 16 tháng 9 năm 2013, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh V. Kết hôn xong, chị H về chung sống cùng gia đình anh tại thôn Đ, xã X. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có cùng quan điểm và không hợp nhau nên dẫn đến việc vợ chồng hay đánh cãi, chửi nhau. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12/7/2014 hiện nay cháu đang sống cùng anh D. Ly hôn anh D xin được nuôi con và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh vì từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu D là do anh D và bố mẹ anh Dương trực tiếp chăm sóc.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: anh xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trong bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôn nay, chị H trình bày:

Chị xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh D trình bày là đúng, còn quá trình chung sống chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017 đến nay, còn từ tháng 6/2017 đến tháng 12/2017 vợ chồng chị sống ly thân nhưng chị vẫn ở cùng nhà với gia đình anh D. Theo chị nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D hay chơi bời, cờ bạc về nhà đánh đập chị, anh đã rất nhiều lần đánh đập chị. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh D xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung chị xác định như anh D trình bày là đúng, hiện cháu D chị đã đón về ở cùng chị từ đầu tháng 7/2018 đến nay. Ly hôn chị cũng xin được nuôi con chung và đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/tháng vì hiện tại cháu còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức: chị cũng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng tong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị H. Về con chung: Giao cho chị H nuôi con chung, anh D cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Hải D có yêu cầu xin ly hôn bị đơn là chị Nguyễn Thị H. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1 Quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Hải D và chị Nguyễn Thị H đều thể hiện: Ngày 16 tháng 9 năm 2013 anh chị được gia đình tổ chức kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có những suy nghĩ, quan điểm khác nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa, anh D đã nhiều lần đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Nay anh D xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

2.2 Về con chung: Vợ chồng xác nhận có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12/7/2014, hiện nay cháu đang ở cùng chị H. Ly hôn, cả anh D và chị H đều xin được nuôi con. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các bên Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh D trình bày hiện nay anh làm thợ cơ khí tự do, có thu nhập 6.000.000đ/ tháng. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương thấy hiện anh D đi làm thợ xây, thu nhập bình quân tại địa phương bình quân là 250.000đ/ngày. Trong quá trình cháu D ở cùng anh, cháu D chủ yếu là do bố mẹ anh D trực tiếp chăm sóc. Bản thân anh D đi làm thợ xây công việc không ổn định. Chị H hiện nay làm công nhân tại thành phố V (công ty Pattlin) thu nhập bình quân từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Hiện tại cháu Nguyễn Ngọc D vẫn còn nhỏ nên rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ nên cần giao con cho chị H nuôi dưỡng cháu D và anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức 1.000.000đ/tháng là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh D nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hải D và chị Nguyễn Thị H.

2. Xử về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 12/7/2014, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000đ/ 1 tháng kể từ tháng 8 năm 2018 đến khi cháu D đủ 18 tuổi và có thể lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hải D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng an phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001536 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Anh D phải nộp tiếp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu một khoản tiền lãi tương ứng với khoản tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể tử ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
-*VKSND huyện L;*
- *THADS huyện L;*
- *UBND xã X;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký và đóng dấu

**Ngô Thị Minh Hiệp**